

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25/6/2019

“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đặng Hồng Việt.

2. Bà: Bế Thị Hợi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Đức Quang – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* bà Mai Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2018 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn T, xã G, huyện CPr, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Thanh D, sinh năm 1973.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã G, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, (Đã bị tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ: Giữa chị và anh Trần Thanh D qua tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện CPr, tỉnh G vào năm 2003. Bước đầu sống chung hạnh phúc.

Tuy nhiên, sau này anh D thường xuyên uống rượu say về nhà đánh đập chị và các con, đập phá tài sản, anh D cờ bạc làm gia đình phá sản, nhiều lần chị khuyên can

nhưng anh D không nghe mà còn tiếp tục đánh đập. Từ tháng 02 năm 2014 anh D bỏ nhà đi đâu không biết, chị đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng không gặp. Sau đó chị đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CPr tuyên bố anh D mất tích và đã được giải quyết bằng quyết định tuyên bố mất tích số 05/2018/QĐDS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh D.

Về con chung: Giữa chị và anh D trong quá trình chung sống có 02 con là Trần Thị Thu Hương, sinh năm 1998 và Trần Thanh Cẩm, sinh năm 2000. Các con đã lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh D đã bỏ đi mất tích và đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định tuyên bố một người mất tích số 05/2018/QĐDS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, niêm yết thông báo thụ lý vụ án; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh D vẫn không có mặt tại địa phương nên không tham gia tố tụng được.

Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Nguyên đơn chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Phan Thị H, xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh D.

Về án phí chị Phan Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phan Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trần Thanh D. Tòa án thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Thanh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không biết lý do. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho anh D được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Trên cơ sở đơn khởi kiện, lời khai của chị Phan Thị H và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Trần Thanh D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Trần Thanh D đã bỏ đi biệt tích từ tháng 02 năm 2014 cho đến nay, chị H đã tìm kiếm nhiều nơi, nhiều lần nhưng không thấy, chị H đã đề nghị Tòa án tuyên bố anh D mất tích được thể hiện bằng quyết định tuyên bố một người mất tích số 05/2018/QĐST-DS ngày 24/7/2018.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh D vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh D đã bỏ đi biệt tích đã được Tòa án tuyên bố mất tích, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh D là có căn cứ và đúng theo pháp luật.

Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị H và anh D có 02 con chung là Trần Thị Thu H, sinh năm 1998 và Trần Thanh C, sinh năm 2000. Hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị H.

Xử: Chị Phan Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh D.

Về con chung: Không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000088 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện CPr;
- Chi cục THADS huyện CPr;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Ngô Trung Thực

